

PHỤ LỤC 2

Một số nội dung các văn bản của Đảng, Nhà nước liên quan đến nhiệm vụ “Hỗ trợ nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ”

I. TOÀN VĂN CÁC VĂN BẢN

1. Các văn bản của Đảng, Nhà nước

- Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc XIII.
- Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030.
- Luật Hợp tác xã năm 2012; Luật Bảo vệ môi trường 2014; Luật doanh nghiệp nhỏ và vừa 2018 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”.
- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (trong đó có Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em do Hội chủ trì).
- Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/1/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025.
- Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 1/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.
- Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 4/6/2019 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030.
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

- Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/1/2020 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư ngày 22/11/2014 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng Chính sách xã hội; Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội.

- Chỉ thị 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030.

- Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường.

- Các chương trình, nghị quyết liên tịch, phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Hội LHPNVN: Ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Liên Minh hợp tác xã Việt Nam, các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính...

- Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 về Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 270/QĐ-TCGDNN ngày 18/6/2021 về việc xây dựng và phát triển không gian truyền thông giáo dục nghề nghiệp, hình thành hệ sinh thái truyền thông giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 về việc Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định 217,218 của Bộ Chính trị về quy chế giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của MTTQ, các đoàn thể CTXH.

2. Các văn bản của Hội LHPN Việt Nam

- Văn kiện Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII.

- Văn bản thỏa thuận số 11789/VBTT ngày 28/12/2021 giữa NHCSXH và các Hội đoàn thể về việc thực hiện ủy thác cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Kế hoạch số 961/KH-ĐCT ngày 08/12/2020 của Đoàn Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam về Tổ chức thực hiện Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Công văn số 5738/ĐCT-KT ngày 28/5/2021 của Đoàn Chủ tịch Hội LHPN

Việt Nam về việc tiếp tục chỉ đạo thực hiện hoạt động tiết kiệm - tín dụng tại các cấp Hội.

- Kế hoạch số 117/KH-ĐCT ngày 22/9/2021 của Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 và thực hiện Kết luận 06-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW.

- Kế hoạch số 967/KH-HLHPN-BTLBP ngày 28/12/2020 giữa TW Hội LHPNVN và Bộ Tư lệnh BDBP về tổ chức Chương trình Đồng hành cùng phụ nữ biên cương giai đoạn 2021 - 2025.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CẦN LƯU Ý

1. Nội dung liên quan đến các chỉ tiêu và nội dung hoạt động hỗ trợ phụ nữ tham gia kinh tế tập thể, HTX do phụ nữ tham gia quản lý

Tại Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã ban hành Nghị quyết chuyên đề số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, trong đó nêu rõ *"Kinh tế tập thể phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt"*.

Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 được Quốc hội thông qua tại kỳ họp số 13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 đã thể hiện tư duy mới về mô hình HTX kiểu mới với hạt nhân là kinh tế hợp tác, góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất, phù hợp với cơ chế thị trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Luật HTX năm 2012 với những quy định cụ thể hơn và xác định mô hình HTX theo đúng với bản chất HTX và phù hợp với quan điểm quốc tế.

Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã nêu rõ *"Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi, tạo môi trường thuận lợi cho các hợp tác xã nông nghiệp phát triển; phấn đấu đến năm 2020 có 15.000 hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả; thúc đẩy và nhân rộng các mô hình liên doanh, liên kết có hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp"*.

Trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn cũng được Đảng nhấn mạnh và nêu rõ, trong đó có những nội dung quan trọng như: *Kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, các hợp tác xã, tổ hợp tác có vai trò cung cấp dịch vụ cho các thành viên; liên kết, phối hợp sản xuất kinh doanh, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện để các thành viên nâng cao năng suất, hiệu*

quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững. Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã”; Văn kiện Đại hội Đảng cũng đề cập đến việc khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, sạch, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, thông minh, nông nghiệp số, thích ứng với biến đổi khí hậu; tiếp tục triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn với quá trình đô thị hóa, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản.

Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030 đặt ra chỉ tiêu 3: *Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã đạt ít nhất 27% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030.*

Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025: Nội dung 05 trong nội dung thành phần số 03 nêu rõ *nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất trong đó, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị.*

Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/1/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025 đã nêu rõ *mục tiêu đến năm 2025 thành lập 10.000 tổ chức kinh tế tập thể (bao gồm hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác); thu hút khoảng 8 triệu thành viên tham gia vào các tổ chức kinh tế tập thể.*

Năm 2020, thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 Khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 134/NQ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ trong đó đặt ra giải pháp “Xây dựng, triển khai một số chương trình, đề án điển hình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã” bao gồm **“Đề án hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ giai đoạn 2021-2030”**.

Quyết định 1318/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 phê duyệt “Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025” đặt ra Định hướng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong các lĩnh vực khác, trong đó *“Tiếp tục thành lập các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để cung cấp các dịch vụ đời sống cho người dân như: y tế, chăm sóc sức khỏe; giáo dục; du lịch... và các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh, đồng bào dân tộc làm chủ”*.

Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 phê duyệt đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả

nước giai đoạn 2021-2025, trong đó ưu tiên “*Các hợp tác xã có đông thành viên là nữ hoặc phụ nữ tham gia quản lý; vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo; tạo việc làm, hỗ trợ cho người yếu thế...*”.

Nghị định số 45/2021/NĐ-CP về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã quy định: *đối tượng cho vay của Quỹ hợp tác xã là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã (trừ đối tượng thành viên hợp tác xã là doanh nghiệp).*

Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 -2030, trong đó một trong những giải pháp đặt ra đó là giao TW Hội LHPN VN “*Xây dựng Đề án Hỗ trợ hợp tác xã phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ giai đoạn 2021 - 2030*”.

Các chương trình, nghị quyết liên tịch, phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Hội LHPNVN: Thỏa thuận liên ngành với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc thực hiện chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ. *Điều 14 đã nêu rõ các Chính sách tín dụng khuyến khích sản xuất nông nghiệp theo mô hình liên kết cho doanh nghiệp, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã.*

Văn kiện Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII đã đưa ra chỉ tiêu cho nhiệm kỳ này là hỗ trợ nâng cao năng lực cho 17.000 phụ nữ là chủ doanh nghiệp, quản lý hợp tác xã, chủ hộ kinh doanh; đến cuối nhiệm kỳ, vận động, hỗ trợ thành lập mới 350 hợp tác xã có phụ nữ tham gia quản lý.

2. Nội dung liên quan đến hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp

*** Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc XIII**

- Nội dung “Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030”, đã nhấn mạnh tại nội dung số 2:

+ ...*đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, gắn kết hài hoà, hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế.*

- Nội dung “Nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII”, đã đề ra tại nội dung số 2: (2) *Tập trung kiểm soát đại dịch COVID-19, tiêm chủng đại trà vắc-xin COVID-19 cho cộng đồng; phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập; phát triển đồng bộ và tạo ra sự liên kết giữa các khu vực, các vùng, các thành*

phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh; có chính sách hỗ trợ hiệu quả doanh nghiệp trong nông nghiệp; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững; hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là pháp luật về bảo hộ sở hữu trí tuệ và giải quyết các tranh chấp dân sự, khắc phục những điểm nghẽn cản trở sự phát triển của đất nước.

- Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030.

+ Chương I “Mục tiêu” Nghị quyết, mục 2 “Mục tiêu cụ thể”, khoản b “Trong lĩnh vực kinh tế, lao động”, Chỉ tiêu 3 đã đặt ra: “*Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã đạt ít nhất 27% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030.*”

** Luật doanh nghiệp nhỏ và vừa 2018 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.*

- Mục 1 Điều 3. Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đã thêm Giải thích từ ngữ về Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ: *1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ là doanh nghiệp nhỏ và vừa có một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên, trong đó có ít nhất một người quản lý điều hành doanh nghiệp đó.*

- Khoản 5 Điều 5 ưu tiên lựa chọn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ (***Nguyên tắc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.***)

5. Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất.

Trường hợp nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Luật này thì ưu tiên lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ hơn.

** Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”*

** Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.*

- Chương III “Các nội dung thành phần của Chương trình”, **Nội dung thành phần số 03** “Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát

triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững” đã đề cập đến nội dung 09 như sau:

Nội dung 09: Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn. Trong đó, các tổ chức chính trị - xã hội (Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam,...) chủ trì và hướng dẫn triển khai Chương trình sáng tạo, khởi nghiệp gắn với Chương trình OCOP và phát triển hợp tác xã, phát triển du lịch nông thôn.

- Chương III “Các nội dung thành phần của Chương trình”, **Nội dung thành phần số 09** “Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM” đã đề cập đến nội dung 03 như sau:

Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”. Trong đó Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung số 03.

- Chương V “Các cơ chế và giải pháp thực hiện chương trình”, Mục c “Một số giải pháp trọng tâm thực hiện” nhấn mạnh: *c) Chỉ đạo, phối hợp thực hiện hiệu quả 11 nội dung của Chương trình; 06 chương trình chuyên đề trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng đời sống của người dân nông thôn và giải quyết các vấn đề bức xúc, tồn tại trong xây dựng NTM (môi trường, an toàn thực phẩm, nước sạch nông thôn, phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp, sáng tạo, thực hiện Chương trình OCOP; chuyển đổi số trong xây dựng NTM, phát triển du lịch nông thôn...).*

** Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 1/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.*

- Chương I “Quan điểm”, mục 6 trong Quyết định đã nhấn mạnh: *Tăng trưởng xanh là sự nghiệp của cả hệ thống chính trị, toàn dân, cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức liên quan, được thúc đẩy bằng tinh thần đổi mới sáng tạo và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, bền vững.*

- Chương IV “Nhiệm vụ, giải pháp” trong Quyết định đã đề cập: *Để đạt được các mục tiêu và định hướng phát triển mà Chiến lược đề ra, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, phân công các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các địa phương, cộng đồng doanh nghiệp.*

** Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".*

Chương VI. Một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số “Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, chuyển dịch từ lắp ráp, gia công về công nghệ thông tin sang làm sản phẩm công nghệ số, công nghiệp 4.0, phát triển nội dung số, công nghiệp sáng tạo, kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử và sản xuất thông minh. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế.” đã đề cập tại Mục 1 “Phát triển 04 loại hình doanh nghiệp công nghệ số”, bao gồm: c) *Các doanh nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội; d) Các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo về công nghệ số.*

3. Một số nội dung liên quan đến công tác hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo

** Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc XIII*

- Khoản 2, Mục I. Tầm nhìn và định hướng phát triển: Định hướng các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025: Về xã hội: Đến năm 2025, tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 25%; tỉ lệ lao động qua đào tạo là 70%; tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị năm 2025 dưới 4%; tỉ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1 - 1,5% hằng năm; có 10 bác sĩ và 30 giường bệnh/1 vạn dân; tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số; tuổi thọ trung bình đạt khoảng 74,5 tuổi; tỉ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới tối thiểu 80%, trong đó ít nhất 10% đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

** Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025*

- Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo:

Mục c. Nội dung hỗ trợ: Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương

mai, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật;

- Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng: Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Nội dung: Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định; Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng; Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

- Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều: Nội dung: Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững; Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo; Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững; Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo; Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới; Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở; Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

- Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

+ Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình: Nội dung: Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn; Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

+ Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá: Nội dung: Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện; Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất; Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp; Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

** Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025*

- Dự án 3. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

** Chỉ thị 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030*

Mục 6. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể đẩy mạnh công tác vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia công tác giảm nghèo bền vững và chủ động giám sát công tác này. Tiếp tục tổ chức các cuộc vận động xã hội, phong trào thi đua yêu nước, trọng tâm là cuộc vận động "Vì người nghèo", cùng với Nhà nước thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững.

4. Một số nội dung liên quan đến công tác hỗ trợ phụ nữ tham gia đào tạo nghề, tạo việc làm

** Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 Của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045:*

Khoản 12, Điều V: “Tuyên truyền, phổ biến đến hội viên về nội dung Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Hàng năm, đề xuất yêu cầu, nhu cầu về nhân lực có kỹ năng nghề đối với các loại hình doanh nghiệp; Huy động thành viên tích cực triển khai thực hiện chiến lược, tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, tham gia các chương trình, đề án, dự án phù hợp với định hướng Chiến lược; Kêu gọi cộng đồng doanh nghiệp, người sử dụng lao động tham gia tích cực vào việc hỗ trợ nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động; Giám sát các hoạt động giáo dục nghề nghiệp, tư vấn và phản biện xã hội đối với các cơ chế, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp”.

** Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm*

2025, định hướng đến năm 2030:

Khoản 6 Điều IV: “Các bộ, ngành và cơ quan có liên quan: Căn cứ nội dung Chương trình cụ thể hóa, bố trí kinh phí thực hiện trong các chương trình, kế hoạch triển khai hàng năm; chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý triển khai các nội dung liên quan của Chương trình theo đúng quy định; Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nội dung của Chương trình; Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình hàng năm và theo giai đoạn, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện đúng mục tiêu Chương trình, gửi Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ”.

** Quyết định số 270/QĐ-TCGDNN ngày 18/6/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc Xây dựng và phát triển không gian truyền thông giáo dục nghề nghiệp, hình thành hệ sinh thái truyền thông giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025:*

Mục 3, Phần III: “Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cùng phối hợp, liên kết tổ chức các hoạt động, sự kiện về giáo dục nghề nghiệp, kết hợp với xây dựng và phát triển không gian truyền thông giáo dục nghề nghiệp”.

** Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025:*

Nội dung 09 - Nội dung thành phần số 03: “Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn”.

5. Một số nội dung liên quan đến thực hiện hoạt động tín dụng – tiết kiệm

** Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư ngày 22/11/2014 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng Chính sách xã hội:*

Mục 2- "Nâng cao trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội:

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy vai trò tập hợp lực lượng, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội đến các tầng lớp nhân dân, nhất là người nghèo và các đối tượng chính sách khác; nâng cao hiệu quả giám sát của toàn dân đối với công tác này.

- Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác của Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung được ủy thác; phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội và chính quyền địa phương trong việc củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng chính sách xã hội; hướng dẫn bình xét đối

tượng vay vốn; tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, hướng dẫn người vay sử dụng vốn hiệu quả; lồng ghép với các chương trình, dự án của các tổ chức chính trị - xã hội. Làm tốt công tác tư vấn, hướng dẫn xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh điển hình, giúp nhau vươn lên thoát nghèo và làm giàu."

** Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội:*

- Mục 4. "...Chỉ đạo các ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội trong quản lý, nâng cao hiệu quả tín dụng chính sách xã hội".

- Mục 6. "MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Thực hiện tốt công tác nhận ủy thác của Ngân hàng Chính sách xã hội, nắm chắc tình hình sử dụng vốn của người vay. MTTQ Việt Nam tiếp tục triển khai, mở rộng cuộc vận động vì người nghèo nhằm bổ sung nguồn vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội".

** Chỉ thị 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030:*

Mục 3. "Tiếp tục hoàn thiện chính sách giảm nghèo, chuẩn nghèo đa chiều gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; đổi mới cách tiếp cận về giảm nghèo, ban hành chính sách hỗ trợ có điều kiện, tăng cường tín dụng chính sách xã hội cho người nghèo, bảo trợ xã hội đối với hộ nghèo không có khả năng lao động. Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, phát triển đa dạng các mô hình sản xuất có sự tham gia của các hộ nghèo, cận nghèo; hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với người nghèo, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi".

** Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác:*

Điều 5. "Việc cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội được thực hiện theo phương thức ủy thác cho các tổ chức tín dụng, tổ chức chính trị - xã hội theo hợp đồng ủy thác hoặc trực tiếp cho vay đến Người vay". Việc cho vay đối với hộ nghèo căn cứ vào kết quả bình xét của Tổ tiết kiệm và vay vốn. Tổ tiết kiệm và vay vốn là tổ chức do các tổ chức chính trị - xã hội hoặc cộng đồng dân cư tự nguyện thành lập trên địa bàn hành chính của xã, được ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận bằng văn bản. Hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn do NHCSXH hướng dẫn".

* Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phườg:

- Về hoạt động tiết kiệm theo hình thức "Tổ góp vốn xoay vòng" tại các chi, tổ Hội bản chất là họ, hội, biên, phường được yêu cầu thực hiện đúng theo các quy định tại Nghị định 19 với phạm vi điều chỉnh quy định về nguyên tắc tổ chức họ, hội, biên, phường (gọi chung là họ); điều kiện làm thành viên, chủ họ; gia nhập, rút khỏi họ; văn bản thỏa thuận về họ; thứ tự lĩnh họ, lãi suất; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý của thành viên, chủ họ.

- Văn bản thỏa thuận về họ phải được thực hiện tại các "Tổ góp vốn xoay vòng" tại điều 7 và điều 8 của Nghị định.